

BẢNG GIÁ THUỐC PHÒNG KHÁM

STT	TÊN THUỐC - VẬT TƯ Y TẾ	ĐVT	GIÁ BÁN
1	A.T IBUpufen 20mg/ml, Chai, VN	Chai	22,861
2	Acemuc (viên) 200mg, Viên, VN	Viên	2,636
3	Acemuc gói 200mg, Gói, VN	Gói	2,907
4	Acyclovir 800mg, Viên, VN	Viên	4,400
5	Acyclovir Cream VN 5g, Tuyp, VN	Tuyp	19,259
6	Aerius 5mg 5mg, Viên, BEL	Viên	10,186
7	Aescin 20mg, Viên, VN	Viên	3,300
8	Agdicerin 50mg, Viên, VN	Viên	3,900
9	AGI - Calci 1250mg/200UI, Viên, VN	Viên	1,564
10	AGIfivit 200mg+1mg, Viên, VN	Viên	702
11	Agilecox 200mg, Viên, VN	Viên	2,500
12	Agimsamin 500mg/400mg, Viên, VN	Viên	5,500
13	AGInfolix 5mg, Viên, VN	Viên	621
14	Alaxan 200mg+325mg, Viên, VN	Viên	1,420
15	Allopurinol (Sadapron) 100mg, Viên, CYP	Viên	2,112
16	Alltrex (Methotrexate) 2.5mg, Viên, IND	Viên	5,280
17	ALPHachymotrypsin 21 microkatal, Viên, VN	Viên	2,621
18	AmiTRIPTYLIN 25mg, Viên, VN	Viên	266
19	Amlor 5mg, Viên, FRE	Viên	8,100
20	ANKerman 1.000mcg, Viên, GER	Viên	7,490
21	Antibio Pro 100tr VSV, Gói, KOR	Gói	6,199
22	Aprovel 150mg, Viên, FRE	Viên	10,200
23	Arcoxia 60mg, Viên, SPA	Viên	16,000
24	Artreil 50mg, Viên, VN	Viên	3,900
25	Artrodar 50mg, Viên, ARG	Viên	14,000
26	Atenolol Stadnolol 50mg, Viên, VN	Viên	920
27	Atorvastatin 10mg, Viên, VN	Viên	900
28	ATP 20mg, Viên, VN	Viên	690
29	Augmentin 1g, Viên, PRIC	Viên	19,000
30	Augmentin 625mg, Viên, PRIC	Viên	14,000
31	Augmentin gói 250mg, Gói, FRE	Gói	11,500
32	Augmentin gói 500mg, Gói, FRE	Gói	17,135
33	Berocca eff, Viên, FRE	Viên	7,800
34	Biafine 46,5g 46,5g, Tuyp, FRE	Tuyp	106,465

35	Bifucil (Levo 500mg) 500mg, Viên, VN	Viên	4,000
36	Biosubtyl-II 10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg, Viên, VN	Viên	1,650
37	Bisalaxyl 5mg, Viên, VN	Viên	400
38	Bisolvon 8mg, Viên, GER	Viên	2,186
39	Bromhexin 8mg 8mg, Viên, VN	Viên	100
40	Buscopan 10mg, Viên, GER	Viên	1,318
41	BV-Loxicam 4mg, Viên, VN	Viên	7,704
42	Calci corbiere EXTRA 10ml 1.1g+ 0.1g+ 0.5g, Ống	Ống	6,358
43	Calci corbiere EXTRA 5ml 5.5g+0.5g+2.5g , Ống, V	Ống	5,290
44	Calcium Lactate 300 Tablets, Viên, CYP	Viên	2,475
45	Captopril 25mg 25mg, Viên, VN	Viên	632
46	Captopril STELLA 25 mg, Viên, VN	Viên	450
47	Cebrex 40MG, Viên, GER	Viên	4,609
48	CEFUroxim 500mg, Viên, VN	Viên	8,004
49	Celebrex 200mg, Viên, ENG	Viên	14,000
50	CENex Cap 200mg, Viên, KOR	Viên	8,025
51	Cetirizin 10mg, Viên, VN	Viên	506
52	Ciprobay 500mg, Viên, GER	Viên	14,150
53	Ciprofloxacin 500mg, Viên, VN	Viên	2,000
54	Clarithromycin Stada 500mg, Viên, VN	Viên	5,900
55	Clopistad 75mg, Viên, VN	Viên	4,950
56	Colchichin Capel 1mg, Viên, FRE	Viên	5,800
57	Colchicin Seid 1mg, Viên, SPA	Viên	5,992
58	Colchicine Stella 1mg, Viên, VN	Viên	1,000
59	Combivent UDV 2.5ml, Ống, ENG	Ống	18,000
60	Concor 2.5mg 2.5mg, Viên, GER	Viên	3,500
61	Concor 5mg 5mg, Viên, GER	Viên	4,700
62	CORORA 60mg, Ống, USA	Ống	6,414,307
63	Cotrimoxazole 400/80 400mg/80mg, Viên, VN	Viên	690
64	Coveram 5mg/5mg 5mg/5mg, Viên, IRE	Viên	7,100
65	Coversyl 5mg 5mg, Viên, FRE	Viên	5,380
66	Crestor 10mg, Viên, ENG	Viên	10,600
67	CTTproxim 200mg, Viên, VN	Viên	13,910
68	Daflon 450mg+50mg, Viên, FRE	Viên	4,275
69	Dalacin 300mg, Viên, BEL	Viên	13,000
70	Dầu mù u, Lọ, VN	Lọ	6,152
71	Davyca 75mg 75mg, Viên, VN	Viên	5,000
72	Debridat 100mg, Viên, FRE	Viên	3,197

73	Deca Durabolin 50mg/1ml, Ống, GER	Ống	243,429
74	Depakin 200mg, Viên, FRE	Viên	2,700
75	DEPakin 500mg, Viên, FRE	Viên	8,560
76	Depo Medrol inj 40mg, Ống, THA	Ống	37,097
77	Dexipharm 15mg, Viên, VN	Viên	544
78	Diamicron MR 30mg, Viên, FRE	Viên	2,950
79	Diamicron MR 60mg, Viên, FRE	Viên	5,485
80	Dicarbo 750mg + 400UI, Viên, KOR	Viên	4,950
81	Diltiazem 60mg 60mg, Viên, VN	Viên	1,400
82	Diltiazem DWP 30mg 30mg, Viên, VN	Viên	483
83	Diurefar 40mg, Viên, VN	Viên	264
84	Doaspin 81mg, Viên, VN	Viên	300
85	Dobutane spray 1g/100ml, Chai, THA	Chai	197,000
86	Domitazol 250mg, Viên, VN	Viên	5,496
87	Doxycyclin 100mg, Viên, VN	Viên	1,081
88	Dronagi 35mg, Viên, VN	Viên	29,900
89	Duphalac 667g/l, Gói, ENG	Gói	5,992
90	Easyal 4 inj 80mg/4ml, Ống, ITA	Ống	4,896,000
91	Efferalgan 500mg, Viên, VN	Viên	3,000
92	Efferalgan codein 500mg+30mg, Viên, FRE	Viên	4,100
93	Enervon C Vĩ 500mg, Viên, VN	Viên	2,728
94	Enpovid AD 5000UI+400UI, Viên, VN	Viên	500
95	Enpovid E400-BH 400IU, Viên, VN	Viên	518
96	Espumisan 40mg, Viên, GER	Viên	1,000
97	Etoxib 60mg, Viên, VN	Viên	6,200
98	Farnisone 5mg, Viên, VN	Viên	500
99	Farzincol 10mg, Viên, VN	Viên	531
100	Feburic 80mg 80mg, Viên, FRE	Viên	27,500
101	Flexsa 1500 1500mg, Gói, AUS	Gói	11,824
102	Forlax 10g, Gói, FRE	Gói	5,477
103	Forxiga 10 10mg, Viên, USA	Viên	20,000
104	Forxiga 5 5mg, Viên, USA	Viên	20,300
105	FOsamax Plus 5.600UI/70mg, Viên, THA	Viên	119,890
106	Fugacar chew 500mg, Viên, THA	Viên	23,540
107	GLUCOphage 500mg, Viên, FRE	Viên	1,800
108	GlucoPHAge 1000 mg, Viên, FRE	Viên	4,100
109	GlucoPHAGE 850mg, Viên, FRE	Viên	3,800
110	Glucophage XR 1000mg, Viên, FRE	Viên	5,300

111	Glucophage XR 500mg, Viên, FRE	Viên	2,600
112	Glucose FKB inj 5% 100ml, Chai, VN	Chai	10,673
113	Glucose FKB inj 10% 500ml, Chai, VN	Chai	14,606
114	Glucose MEKOPHA 30% 250ml inj , Chai, VN	Chai	16,371
115	Glucose MEKOPHA 10% 500ml, Chai, VN	Chai	14,400
116	Glucosix 850 850MG, Viên, VN	Viên	523
117	GlucoVANCE 500mg/2.5mg, Viên, FRE	Viên	5,000
118	GluCOVAnce 500mg/5mg, Viên, FRE	Viên	5,200
119	Glumeron 30 MR, Viên, VN	Viên	534
120	GOLDprofen 400mg, Viên, BOL	Viên	5,564
121	Hapacol Blue 500mg, Viên, VN	Viên	500
122	Hapacol gói 150mg, Gói, VN	Gói	2,079
123	HapaCOL gói 250mg, Gói, VN	Gói	2,500
124	HCQ 200mg, Viên, IND	Viên	4,928
125	Hornol 3mg+5mg, Viên, VN	Viên	5,500
126	Hyalgan 20mg/2ml, Ống, ITA	Ống	1,065,900
127	Hydrocortison IV 100mg, Ống, VN	Ống	18,541
128	Hydrocortison Lidocain (Tiêm gân) 125mg/25mg/5n	Lọ	41,120
129	Ibrafen Chai 30ml 100mg/5ml, Lọ, VN	Lọ	26,750
130	Ibrafen Chai 60ml 100mg/5ml, Lọ, VN	Lọ	38,000
131	Idomagi 600mg, Viên, VN	Viên	26,750
132	Imdur 60mg, Viên, FRE	Viên	6,900
133	Imodium 2mg, Viên, THA	Viên	3,100
134	Janumet 50mg/ 1000mg, Viên, PRIC	Viên	11,388
135	Japrolox 60mg, Viên, JAP	Viên	5,100
136	KALI clorid 500mg, Viên, VN	Viên	1,247
137	Kefentech 7/10cm 30mg, Miếng, KOR	Miếng	11,235
138	Ketosteril 600mg, Viên, GER	Viên	15,194
139	Leolen 5mg+3mg, Viên, VN	Viên	4,620
140	Lidocain 2% 2ml, Ống, VN	Ống	897
141	LipantHYL 200mg, Viên, FRE	Viên	7,547
142	LIPANTHYL NT 145mg, Viên, IRE	Viên	11,300
143	Lipanthyl supra 160mg, Viên, FRE	Viên	10,762
144	Lipistad 20mg, Viên, VN	Viên	1,650
145	Lipitor 20mg 20mg, Viên, ENG	Viên	17,057
146	LIPItor 40mg 40mg, Viên, THA	Viên	24,372
147	Lipogamma - Alpha 600mg, Viên, GER	Viên	17,976
148	Livolin fort, Viên, THA	Viên	5,500

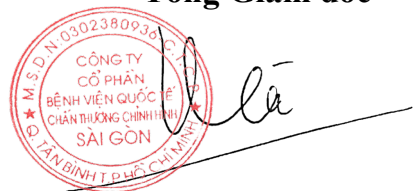
149	Lixiana 30mg, Viên, GER	Viên	57,800
150	LIXiana 60mg, Viên, GER	Viên	57,800
151	Losartan (Dozar) 50mg, Viên, VN	Viên	2,800
152	Lyrica 75mg, Viên, GER	Viên	20,000
153	Macdin 600mg, Viên, IND	Viên	21,000
154	Madopar 250mg, Viên, SWI	Viên	6,700
155	Magne-B6 Corbiere 470mg+5mg, Viên, VN	Viên	2,009
156	Materazzi 50mg, Viên, VN	Viên	1,700
157	Maxlen - 70 70mg, Viên, THA	Viên	58,422
158	Medrol 4mg 4mg, Viên, ITA	Viên	1,200
159	Medrol 16mg 16mg, Viên, ITA	Viên	4,000
160	Methycobal - 500mcg, Viên, JAP	Viên	3,900
161	Methylcobalamin Capsules 1500mcg 1500mcg, Viên	Viên	6,527
162	Methyldopa 250mg 250mg, Viên	Viên	3,300
163	Metronidazole 250mg, Viên, VN	Viên	437
164	Micardis 40mg, Viên, GER	Viên	10,520
165	Micardis Plus 40mg+12.5mg 40mg+12.5mg, Viên, C	Viên	10,022
166	Mimosa, Viên, VN	Viên	1,988
167	Mobic 7,5mg, Viên, GER	Viên	9,762
168	Mobic inj 15mg/1,5ml, Ống, GER	Ống	23,700
169	Moriamin 18.3, 5.9, 25, 5, 4.2, 5, 18.4, 6.7,, Viên, VN	Viên	3,969
170	Motilium M 10mg, Viên, THA	Viên	2,360
171	Mydocalm 150mg, Viên, HUN	Viên	4,689
172	Myonal 50mg 50mg, Viên, JAP	Viên	3,800
173	Natri clorid 250 Mekopha 0.9%, Chai, VN	Chai	11,770
174	Natri clorid FKB inj 0,9% 100ml, Chai, VN	Chai	10,165
175	Natri clorid FKB linj 0,9% 500ml, Chai, VN	Chai	12,358
176	Neopeptin viên, Viên, IND	Viên	2,200
177	Neurontin 300mg, Viên, GER	Viên	13,000
178	NEUROpentin 300mg, Viên, VN	Viên	5,900
179	Nexium Mup 40mg, Viên, SWE	Viên	24,000
180	Nifedipin LP 20mg, Viên, VN	Viên	782
181	Novadol 325mg/37.5mg, Viên, IND	Viên	6,313
182	Nucleo 5mg+3mg, Viên, SPA	Viên	12,038
183	Nucleo forte inj 5mg+3mg, Ống, SPA	Ống	60,669
184	Ofloxacin 200mg, Viên, VN	Viên	1,500
185	Okuskin 30g, Tuyp, CREP	Tuyp	378,000
186	OKVitka 750mg/200UI, Viên, AUS	Viên	4,883

187	Ome -Ag 20mg, Viên, VN	Viên	1,500
188	Opecalcium 50mg/1100mg/100mg, Ống, VN	Ống	8,132
189	Opecalcium chew 500mg, Viên, VN	Viên	1,782
190	Ostocare 500mg/250UI, Viên, VN	Viên	3,850
191	Panadol caplets 500mg, Viên, MAL	Viên	1,041
192	Panadol Extra vn H/180v 500mg+65mg, Viên, VN	Viên	1,431
193	Panangin 140mg+158mg, Viên, HUN	Viên	3,080
194	Pantagi 40mg, Viên, VN	Viên	2,600
195	PARiet 20mg, Viên, JAP	Viên	21,079
196	Pharmox 500mg, Viên, VN	Viên	1,848
197	Phosphalugel gel 13g, Gói, FRE	Gói	4,415
198	Plavix 75mg, Viên, FRE	Viên	17,996
199	Plendil Plus 5mg+50mg, Viên, SWE	Viên	7,900
200	Pletaal 100mg, Viên, KOR	Viên	9,600
201	Pracetam 800mg, Viên, VN	Viên	1,540
202	Pregabakern 50mg, Viên, SPA	Viên	11,770
203	Pregabalin 75mg 75mg, Viên, VN	Viên	461
204	PRelynca (Ligaba) 50mg, Viên, GRE	Viên	5,757
205	Procoralan 5mg, Viên, FRE	Viên	12,700
206	Propranolol 40mg, Viên, VN	Viên	700
207	Proxybon 325mg+37.5mg, Viên, KOR	Viên	7,300
208	PTU (Proracil) 50mg, Viên, VN	Viên	690
209	Pulmicort Respules p. inhalation 500mcg, Ống, AUS	Ống	14,800
210	RATIDA 400mg, Viên, SLO	Viên	51,146
211	Regenflex Bio- Plus 75mg/3ml, Ống, ITA	Ống	5,304,000
212	Rutin C 50+50mg, Viên, VN	Viên	296
213	Scanneuron (3B) 100mg+250mg+250mcg, Viên, VN	Viên	1,300
214	Seretide Evohaler 25/250mcg 25/250mcg, Lọ, FRE	Lọ	335,000
215	Seretide Evohaler 25/50mcg 25/50mcg, Lọ, ENG	Lọ	215,000
216	Silygamma 150mg, Viên, GER	Viên	5,428
217	Singulair 10mg, Viên, ENG	Viên	14,400
218	Sinogel 24mg/ml/16mg/ml, Ống, ITA	Ống	5,610,000
219	SINovial HL 64mg/2ml, Ống, ITA	Ống	3,876,000
220	Smecta 3g, Gói, FRE	Gói	5,386
221	SODIUM clorid DN 3/2 1lit 0.9% , Chai, VN	Chai	14,400
222	Solu Medrol IV 40mg, Ống, THA	Ống	44,800
223	Solu Medrol IV 125mg, Ống, THA	Ống	81,000
224	Spasmaverin 40, Viên, VN	Viên	800

225	Stilux 60mg, Viên, VN	Viên	1,353
226	Strepsils Cool H/24v, Viên, THA	Viên	1,811
227	Strepsils Cool, Viên, THA	Viên	1,785
228	Stresam 50mg, Viên, FRE	Viên	3,630
229	Stugeron 25mg, Viên, THA	Viên	900
230	Sulpiride 50mg, Viên, VN	Viên	400
231	Tanakan 40mg, Viên, FRE	Viên	5,101
232	Tanatril 10mg, Viên, IND	Viên	6,500
233	Tanganil 500mg, Viên, FRE	Viên	5,100
234	Tavanic 500mg, Viên, GER	Viên	39,000
235	Telfast BD 60mg, Viên, USA	Viên	4,056
236	Telfast HD 180mg 180mg, Viên, VN	Viên	8,590
237	Telmisartan 40mg, Viên, VN	Viên	3,300
238	Tetracyclin 500mg, Viên, VN	Viên	1,035
239	Tetracyclin 1% 5g, Tuyp, VN	Tuyp	4,950
240	Theophyllin 100mg, Viên	Viên	3,300
241	Theostat LP 100mg 100mg, Viên, FRE	Viên	7,000
242	Thyrozol 5mg, Viên, FRE	Viên	2,094
243	Ticvano 15mg, Viên, VN	Viên	168,000
244	Tinidazol 500mg, Viên, VN	Viên	1,300
245	Toujeo 300UI/1ML, Bút, FRE	Bút	435,750
246	Trajenta 5mg 5mg, Viên, USA	Viên	17,287
247	Tramazetan plus 37.5mg/325mg, Viên, SPA	Viên	7,276
248	Transamin 250mg 250mg, Viên, VN	Viên	2,400
249	Trosicam 7,5mg, Viên, SWI	Viên	5,445
250	Trymo 120mg, Viên, IND	Viên	3,520
251	Unitrexates 2,5mg, Viên, KOR	Viên	4,597
252	URITOS 0.1mg, Viên, JAP	Viên	11,048
253	Vaidilox 40mg 40mg, Viên, VN	Viên	13,910
254	Valgesic 10mg, Viên, VN	Viên	5,457
255	Vastarel MR 35mg, Viên, TUR	Viên	3,000
256	Ventolin Neb Sol 5mg/2.5ml, Ống, ENG	Ống	9,100
257	Verospiron 25mg, Viên, HUN	Viên	3,438
258	Vitamin E 400UI, Viên, VN	Viên	1,400
259	Vitamin PP 500mg, Viên, VN	Viên	518
260	Voltaren 50, Viên, TUR	Viên	3,825
261	Voltaren emulgel 20G, Tuyp, SWI	Tuyp	73,295
262	Voltaren IM 75mg/3ml, Ống, SWI	Ống	19,260

263	Voltaren SR FTC 75mg, Viên, SWI	Viên	6,600
264	Xarelto 10mg 10mg, Viên, GER	Viên	65,000
265	XATral 10mg, Viên, FRE	Viên	16,400
266	XIGduo 1g/10mg, Viên, USA	Viên	22,973
267	XIGDuo XR 500mg/10mg, Viên, USA	Viên	24,182
268	Zinnat 500mg 500mg, Viên, ENG	Viên	25,000
269	Zopistad 7.5Mg 7.5mg, Viên, VN	Viên	2,618

Tổng Giám đốc



ThS.BS Nguyễn Nương Minh Ngà